|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2024/TT-BCA |  *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO 1**

**THÔNG TƯ**

**Quy định việc thực hiện kết luận thanh tra của lực lượng Công an nhân dân**

*Căn cứ**[Luật Thanh tra](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-thanh-tra-2010-115311.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) số 11/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số**[43/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-33-2015-ND-CP-thuc-hien-ket-luan-thanh-tra-269681.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;*

*Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Căn cứ Nghị định số …/2024/NĐ-CP ngày …/…/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Công an;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định việc thực hiện kết luận thanh tra của lực lượng Công an nhân dân.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra và xử lý vi phạm trong thực hiện kết luận thanh tra của lực lượng Công an nhân dân.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Công an các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Công an các xã, phường, thị trấn.

2. Cơ quan thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân; Cơ quan và Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong Công an nhân dân.

3. Đối tượng thanh tra; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân (sau đây gọi chung là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra); cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân* gồm Chánh Thanh tra Bộ Công an, Chánh Thanh tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chánh Thanh tra Cục Cảnh sát Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng; Chánh Thanh tra Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. *Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân* đối với Thanh tra Bộ Công an là Bộ trưởng; Thanh tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thanh tra Cục Cảnh sát Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng là Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng; Thanh tra Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ là Cục trưởng Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

 3. *Đối tượng thực hiện kết luận thanh tra* là đối tượng thanh tra; Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm hoặc có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra; quyết định xử lý về thanh tra.

**Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm**

1. Thiếu trách nhiệm trong việc chỉ đạo, phân công cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung trong kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Không thực hiện các biện pháp theo thẩm quyền để cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ, kịp thời kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

3. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đã được xác định rõ tại kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

4. Báo cáo không trung thực kết quả thực hiện kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra; chống đối, cản trở hoặc thực hiện các hành vi nhằm đối phó với hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, yêu cầu, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

5. Không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra theo quy định của Thông tư này.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra để làm trái pháp luật, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

7. Không chỉ đạo, quyết định xử lý hoặc không kiến nghị xử lý sau khi phát hiện hành vi vi phạm trong việc thực hiện kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra đến mức cần phải xử lý.

**Điều 5. Nguyên tắc thực hiện kết luận thanh tra**

1. Kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra phải được đối tượng thanh tra, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm minh.

2. Các tập thể, cá nhân có sai phạm, khuyết điểm được xác định cụ thể, rõ ràng trong kết luận thanh tra phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh; văn bản chỉ đạo, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra phải được thực hiện kịp thời theo quy định của pháp luật.

3. Kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo, kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra phải được cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.

4. Đối với kiến nghị của đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung trong kết luận thanh tra chưa được Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan ban hành kết luận thanh tra trong Công an nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân giải quyết thì chưa bắt buộc phải thực hiện.

**Chương II**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**TRONG VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA,**

**QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỀ THANH TRA**

**Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân**

1. Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm giúp Thủ trưởng Công an cùng cấp áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm báo cáo kết quả theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra do mình ban hành; văn bản thông báo ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của cấp có thẩm quyền với Thủ trưởng Công an cùng cấp và Thanh tra Bộ Công an để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

3. Thanh tra Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, trong đó có công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

**Điều 7. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân**

1. Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân phải có văn bản báo cáo, kiến nghị Thủ trưởng Công an cùng cấp chỉ đạo việc thực hiện đối với các kiến nghị trong kết luận thanh tra thuộc thẩm quyền xử lý của Thủ trưởng Công an cùng cấp.

Văn bản kiến nghị phải được gửi đồng thời với kết luận thanh tra, trong đó đề xuất cách thức, biện pháp, thời hạn tổ chức thực hiện đối với các nội dung kiến nghị trong kết luận thanh tra thuộc thẩm quyền xử lý của Thủ trưởng Công an cùng cấp. Sau khi Thủ trưởng Công an cùng cấp có ý kiến chỉ đạo, Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân có văn bản thông báo đến đối tượng thực hiện kết luận thanh tra.

2. Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân chịu trách nhiệm chỉ đạo theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, công khai việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của mình. Thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng Công an cùng cấp đối với các nội dung tại kết luận thanh tra; xử lý kịp thời báo cáo kết quả theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra theo quy định tại Chương III Thông tư này.

3. Thủ trưởng cơ quan Thanh tra trong Công an nhân dân có trách nhiệm giúp Thủ trưởng Công an cùng cấp thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; xử lý hành vi vi phạm của đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện kết luận thanh tra. Kịp thời báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra với Thủ trưởng Công an cùng cấp.

**Điều 8. Trách nhiệm của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan ban hành kết luận thanh tra trong Công an nhân dân**

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, văn bản kiến nghị, báo cáo của Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân, Thủ trưởng Công an cùng cấp phải có ý kiến chỉ đạo việc thực hiện đối với các kiến nghị nêu trong kết luận thanh tra; việc chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra; xử lý hoặc yêu cầu xử lý sai phạm về hành chính, kinh tế; xử lý người có hành vi vi phạm; khắc phục sơ hở, yếu kém trong quản lý, hoàn thiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật; xác định rõ trách nhiệm, thời gian triển khai và thời hạn báo cáo của đối tượng thực hiện kết luận thanh tra.

2. Căn cứ quy định của Bộ Công an về phân công, phân cấp trong công tác quản lý cán bộ, Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan ban hành kết luận thanh tra trong Công an nhân dân có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra, yêu cầu đối tượng thanh tra trình phương án khắc phục sai phạm về kinh tế; tổ chức kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm; xử lý kỷ luật, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý xử lý kỷ luật cán bộ, chiến sĩ Công an có hành vi vi phạm theo thẩm quyền;

b) Kiến nghị Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra ngoài lực lượng Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người có hành vi vi phạm được nêu trong kết luận thanh tra.

 **Điều 9. Trách nhiệm của đối tượng thanh tra, Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra.**

1. Sau khi nhận được kết luận thanh tra, văn bản thông báo ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị của Thủ trưởng Công an quản lý cùng cấp với cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân, đối tượng thanh tra, Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra phải thực hiện kết luận thanh tra, văn bản thông báo ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra đầy đủ, kịp thời, đúng thời hạn theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 104 Luật Thanh tra.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công khai kết luận thanh tra, căn cứ nội dung kết luận thanh tra, văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Thanh tra.

3. Đối tượng thanh tra, Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra với Thủ trưởng cơ quan ban hành kết luận thanh tra; văn bản thông báo ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra với cấp có thẩm quyền và Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Luật Thanh tra.

**Chương III**

**THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN**

**KẾT LUẬN THANH TRA, QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỀ THANH TRA**

**Điều 10. Mục đích theo dõi, đôn đốc, kiểm tra**

1. Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra nhằm giúp Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân và Thủ trưởng Công an cùng cấp nắm bắt thông tin, tiến độ, kết quả việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Những khó khăn, vướng mắc để có giải pháp thúc đẩy hoàn thành thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra. Kịp thời phát hiện hành vi không thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra để xử lý hoặc kiến nghị Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định.

**Điều 11. Đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra**

Đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra là Đối tượng thanh tra, Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

**Điều 12. Hình thức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra**

1. Hoạt động theo dõi thực hiện kết thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra thông qua hình thức tổng hợp kết quả thực hiện kết luận thanh tra do đối tượng theo dõi báo cáo theo đúng thời hạn ghi trong kết luận thanh tra hoặc gửi văn bản yêu cầu đối tượng theo dõi báo cáo bổ sung tình hình, tiến độ thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra và cung cấp các tài liệu kiểm chứng.

2. Hoạt động đôn đốc thực hiện kết thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra thông qua hình thức gửi văn bản đến đối tượng thanh tra, cơ quan và Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra sau khi hết thời hạn báo cáo ghi trong kết luận thanh tra mà đối tượng đôn đốc không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ.

3. Hoạt động theo dõi, đôn đốc thực hiện thông qua hình thức gửi văn bản đến đối tượng yêu cầu thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra được thực hiện một lần hoặc nhiều lần (nếu cần thiết) đối với các kết luận thanh tra có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Hoạt động kiểm tra thông qua việc thành lập đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp với đối tượng thanh tra, Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm hoặc có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra; quyết định xử lý về thanh tra.

**Điều 13. Nội dung theo dõi, đôn đốc**

1. Nội dung theo dõi việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra:

a) Việc tổ chức thực hiện ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp cơ quan ban hành kết luận thanh tra trong Công an nhân dân, Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra;

b) Tiến độ và kết quả thực hiện các nội dung trong kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của đối tượng phải thực hiện:

- Kết quả xử lý sai phạm về hành chính, kinh tế; xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ Công an có hành vi vi phạm;

- Kết quả khắc phục sơ hở, yếu kém, vi phạm trong thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được giao của Công an các đơn vị, địa phương. Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách pháp luật (nếu có) và các nội dung khác trong thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra;

c) Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra; ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan ban hành kết luận thanh tra trong Công an nhân dân.

2. Nội dung đôn đốc việc thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra:

a) Các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Yêu cầu đối tượng thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan ban hành kết luận thanh tra trong Công an nhân, báo cáo giải trình rõ việc chưa thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; nguyên nhân, khách quan, chủ quan (nếu có);

c) Yêu cầu đối tượng có kế hoạch, biện pháp, lộ trình, thời gian cụ thể hoặc đề xuất các giải pháp hoàn thành thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; báo cáo kết quả sau khi thực hiện các kế hoạch, biện pháp nhằm hoàn thành kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra đối với cấp có thẩm quyền theo quy định.

 **Điều 14. Báo cáo kết quả theo dõi, đôn đốc**

 1. Sau khi nhận được báo báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của đối tượng theo dõi; trong thời hạn 10 ngày làm việc cán bộ được giao nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

Báo cáo kết thúc theo dõi khi đối tượng theo dõi hoàn thành thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra hoặc đề xuất đưa vào kế hoạch kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định.

2. Sau khi đối tượng đôn đốc gửi báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; trong thời hạn 10 ngày làm việc cán bộ được giao nhiệm vụ đôn đốc có trách nhiệm tập hợp thông tin có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

Báo cáo kết thúc đôn đốc khi đối tượng theo dõi hoàn thành thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra hoặc đề xuất tiến hành đưa vào kế hoạch kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định.

 **Điều 15. Xử lý kết quả theo dõi, đôn đốc**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả theo dõi việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân căn cứ vào nội dung báo cáo quyết định kết thúc việc theo dõi hoặc quyết định kiểm tra theo quy định.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân căn cứ vào nội dung báo cáo quyết định kết thúc việc đôn đốc hoặc quyết định kiểm tra theo quy định.

**Điều 16. Căn cứ kiểm tra, quyết định kiểm tra, thời hạn kiểm tra**

1. Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân ra quyết định kiểm tra khi có một trong các căn cứ sau:

a) Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP.

b) Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra hành chính trong lực lượng Công an nhân dân ngoài căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này còn căn cứ vào yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành của Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân.

2. Quyết định kiểm tra bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 55 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP.

3. Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký, quyết định kiểm tra phải được gửi cho đối tượng kiểm tra. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ký quyết định kiểm tra, người có nhiệm vụ kiểm tra phải tiến hành kiểm tra. Thời hạn kiểm tra tối đa là 10 ngày làm việc kể từ ngày đối tượng kiểm tra nhận được quyết định kiểm tra.

**Điều 17. Nội dung kiểm tra**

1. Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra theo các nội dung quy định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Kết quả chỉ đạo và tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp đối với việc thực hiện kết luận thanh tra. Nội dung kết luận thanh tra đã hoàn thành, chưa hoàn thành và đang thực hiện.

3. Những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân khách quan, chủ quan trong việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp đối với việc thực hiện kết luận thanh tra.

4. Các hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) của đối tượng thanh tra, Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoặc có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra; quyết định xử lý về thanh tra.

5. Trách nhiệm của đối tượng thanh tra trong việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra, ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra của Thủ trưởng Công an cùng cấp đối với việc thực hiện kết luận thanh tra.

**Điều 18. Báo cáo kết quả kiểm tra**

1. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người được giao nhiệm vụ kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra với Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an và Thủ trưởng Công an cùng cấp với cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân.

 2. Báo cáo kết quả kiểm tra bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP và Điều 17 Thông tư này.

**Điều 19. Xử lý kết quả kiểm tra**

1. Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra, Thủ trưởng cơ quan Thanh tra trong Công an nhân dân xử lý kết quả kiểm tra, như sau:

a) Yêu cầu đối tượng thanh tra, Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra xử lý kỷ luật người có hành vi vi phạm theo thẩm quyền của mình;

b) Áp dụng theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xử lý các sai phạm về kinh tế; xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền;

c) Kiến nghị Thủ trưởng Công an cùng cấp xem xét, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý khi không áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để thực hiện nghiêm chỉnh kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra;

d) Báo cáo Thủ trưởng Công an cùng cấp kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra ngoài lực lượng Công an nhân dân khi không áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để buộc đối tượng thanh tra thực hiện nghiêm chỉnh kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra;

đ) Kiến nghị Thủ trưởng Công an cùng cấp xem xét lại nội dung kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra; chuyển tin báo tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố vụ án hình sự sang cơ quan điều tra nếu quá trình kiểm tra phát hiện dấu hiệu tội phạm của các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm hoặc có liên quan đến việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

2. Khi có căn cứ khẳng định đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra không có khả năng thực hiện một số nội dung kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; ý kiến chỉ đạo hoặc kiến nghị thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra thì báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Công an cùng cấp xem xét, quyết định.

**Điều 20. Thông báo kết quả theo dõi, đôn đốc, kiểm tra**

Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra với Thủ trưởng Công an cùng cấp; thông báo bằng văn bản kết quả theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra cho đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra biết.

**Điều 21. Công khai kết quả theo dõi, đôn đốc, kiểm tra**

1. Công khai kết quả theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra bằng một trong các hình thức sau:

a) Công bố tại cuộc họp cơ quan, đơn vị là đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra;

b) Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan thanh tra đã tiến hành theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra; thời gian niêm yết ít nhất là 05 ngày;

c) Thông báo trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Trường hợp cơ quan thanh tra có cổng thông tin điện tử phải công khai thông báo trên cổng thông tin điện tử của mình.

2. Không áp dụng hình thức công khai theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này đối với kết quả thực hiện kết luận thanh tra, yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc những quy định khác của Bộ Công an.

**Điều 22. Lập, quản lý hồ sơ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra**

1. Cán bộ được giao nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra chịu trách nhiệm lập hồ sơ theo trình tự sau:

a) Lập hồ sơ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết luận thanh tra được công bố hoặc gửi cho đối tượng thanh tra;

b) Thu thập những thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

c) Kết thúc hồ sơ sau khi Thủ trưởng cơ quan thanh tra có văn bản thông báo kết thúc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

2. Các thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình theo dõi, đôn đốc, kiểm tra phải được quản lý chặt chẽ theo quy định, chỉ cung cấp hoặc công bố khi được Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong Công an nhân dân cho phép.

3. Việc lập, đăng ký, quản lý hồ sơ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thực hiện theo Thông tư quy định về công tác hồ sơ nghiệp vụ thanh tra Công an nhân dân.

**Chương IV**

**XỬ LÝ VI PHẠM TRONG VIỆC THỰC HIỆN**

**KẾT LUẬN THANH TRA, QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỀ THANH TRA**

**Điều 23. Xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ Công an thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra; người thuộc cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cán bộ, công chức, viên chứccó hành vi vi phạm trong việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra phải bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP.

2. Người có hành vi vi phạm trong việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra không phải là cán bộ, công chức, viên chức thì bị xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP.

3. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân có hành vi vi phạm trong việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của Bộ Công an.

**Điều 24. Xử lý hành vi vi phạm của Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra**

1. Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra (ngoài lực lượng Công an nhân dân) là cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm trong việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP.

2. Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra (ngoài lực lượng Công an nhân dân) không phải là cán bộ, công chức, viên chức tùy theo tính chất mức độ vi phạm trong việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra thì bị xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP.

3. Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra trong lực lượng Công an nhân dân có hành vi vi phạm trong việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của Bộ Công an.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 25. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024 và thay thế Thông tư số 29/2019/TT-BCA ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc thực hiện kết luận thanh tra trong Công an nhân dân.

2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung dẫn chiếu trong Thông tư này được điều chỉnh và thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

**Điều 26. Trách nhiệm thi hành**

1. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương; đối tượng thanh tra, Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thanh tra Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này. Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này trong phạm vi đơn vị, địa phương mình quản lý.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Thanh tra Bộ Công an) để được giải quyết, hướng dẫn kịp thời./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thanh tra Chính phủ;- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Công an;- Các đơn vị trực thuộc Bộ; Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Bộ Tư pháp (qua Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật);- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;- Lưu: VT, V03, X05.  | **BỘ TRƯỞNG** |